TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2020/KDTM - PT Ngày: 17/02/2020 V/v: *Tranh chấp yêu cầu thanh toán nợ*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Ông Lê Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Huyền Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17/02/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 161/2019/TLPT - KDTM ngày 24/12/2019 về việc Tranh chấp yêu cầu thanh toán nợ .

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2019/ KDTM - ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐ - PT ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Quyết định hoãn phiên tòa kinh doanh thương mại phúc thẩm số 12/2020/QĐ - PT ngày 21/01/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Đ**

Địa chỉ: Số 55, phố L1, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông B - Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông H – Trưởng phòng Tài chính.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: **Công ty X**

(Theo Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 10 ngày 10/6/2016).

Địa chỉ: Tổ dân phố NX, phường MK, quận BTL, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông N - Chủ tịch HĐQT.

(Có mặt tại phiên tòa).

3. Người kháng cáo: Công ty X - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2019, bản tự khai ngày 08/3/2019, đại diện nguyên đơn trình bày:**

- Ngày 01/11/2013, Công ty Đ (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty X (sau đây gọi tắt là bị đơn) có ký Hợp đồng kinh tế số 880 về mua, bán vật liệu xây dựng (cung cấp đá dăm "Base và Subase" làm đường) thuộc gói thầu số 5, dự án đường nối sân bay NB - cầu NT với tổng giá trị hợp đồng là: 5.180.000.000 đồng. Trên thực tế, nguyên đơn chỉ cho bị đơn thực hiện giá trị hợp đồng là: 2.950.864.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là: 2.600.000.000 đồng, số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là: 350.864.000 đồng.

- Ngày 26/02/2014, nguyên đơn và bị đơn ký tiếp Hợp đồng kinh tế số 154 về việc cung cấp đá dăm "Base và Subase" làm đường thuộc dự án gói thầu số 1 đường nối cầu NT - NB, trị giá hợp đồng là 778.000.000 đồng. Trên thực tế, nguyên đơn chỉ cho bị đơn thực hiện giá trị hợp đồng là: 140.976.000 đồng. Đến thời điểm này, bị đơn chưa thanh toán gói thầu số 1 cho nguyên đơn, vì vậy số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là: 140.976.000 đồng.

Ngày 18/5/2016, nguyên đơn và bị đơn đã tiến hành đối chiếu và chốt công nợ. Tại thời điểm đối chiếu, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là: 491.840.000 đồng. Từ đó đến nay, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là: 491.840.000 đồng nhưng không nhận được văn bản phản hồi cũng như không gặp được đại diện của bị đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi là: 672.490.864 đồng. Trong đó: Số tiền gốc là: 491.840.000 đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày 18/5/2016 đến ngày 27/02/2019 là: 180.650.864 đồng (12%/năm).

***Tại bản tự khai ngày 27/6/2019 và các biên bản hòa giải, đại diện bị đơn trình bày:**

Thời điểm ký Hợp đồng kinh tế số 880/HĐKT ngày 01/11/2013 và Hợp đồng kinh tế số 154 ngày 26/02/2014 người đại diện theo pháp luật của bị đơn - đại diện ký Hợp đồng là ông HQN - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hiện ông N vẫn là cổ đông lớn nhất, là thành viên Hội đồng quản trị của bị đơn. Từ ngày 16/01/2018, ông N được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, là đại diện pháp nhân của bị đơn. Ông N là người tiếp quản sau này nên không nắm được quá trình ký hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

Về Hợp đồng kinh tế số 880/HĐKT ngày 01/11/2013 và Hợp đồng kinh tế số 154/HĐKT ngày 26/02/2014 do ông N ký, đã đầy đủ chữ ký của các bên nên có đủ cơ sở pháp lý tại thời điểm ký Hợp đồng.

Ngày 18/3/2014, nguyên đơn và bị đơn đã ký Biên bản đối chiếu khối lượng và Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ đối với công trình dự án xây dựng

gói thầu số 5 NT - NB, xác nhận số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 1.500.864.000 đồng, đã đầy đủ chữ ký của các bên nhưng người ký là ông NĐT, Phó Giám đốc không thấy có giấy ủy quyền nên chưa có đủ cơ sở pháp lý. Còn Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 18/5/2016 của công trình dự án xây dựng gói thầu số 5- NT- NB và Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 18/5/2016 của Công trình dự án xây dựng gói thầu số 1- NT- NB không có giá trị pháp lý (vì không có chữ ký của người đại diện pháp nhân, tẩy xóa, loang lổ), vì vậy không đủ cơ sở theo quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu thanh toán nợ của nguyên đơn đối với bị đơn.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15 ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm quyết định :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ đối với Công ty X về yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 880 ngày 01/11/2013 và Hợp đồng kinh tế số 154 ngày 26/02/2014.

2. Buộc Công ty X phải thanh toán cho Công ty Đ tổng số tiền là 640.252.720đồng (gồm nợ gốc 491.840.000 đồng + lãi chậm thanh toán 148.412.720 đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/10/2019, người đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, với lý do: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn căn cứ vào Biên bản đối chiếu khối lượng của hai Công ty ngày 18/3/2014 do ông NĐT - Phó Giám đốc ký, không có ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty ; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/5/2016 không có giá trị pháp lý do không có chữ ký của người có thẩm quyền của bị đơn, bị tẩy xóa, nhàu nát và loang lổ; cấp sơ thẩm chưa xem xét đến thời hiệu khởi kiện mặc dù bị đơn đã có yêu cầu này. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm vì những lý do nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/02/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện theo pháp luật của bị đơn đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để các bên cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và để nguyên đơn và bị đơn tiến hành hòa giải với nhau. Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện theo pháp luật của bị đơn đã thống nhất đề nghị Tòa án công nhận những nội dung thỏa thuận như sau:

- Công ty Đ đồng ý thanh toán công nợ với Công ty X với số tiền là 350.864.000 đồng.

- Thời gian thanh toán hết số nợ 350.864.000 đồng trong năm 2020.

- Số tiền bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn thành 5 đợt, cụ thể như sau :

+ Đợt 1 : Thanh toán vào ngày 15/4/2020 : 70.000.000 đồng ;

+ Đợt 2 : Thanh toán vào ngày 15/6/2020 : 70.000.000 đồng ;

+ Đợt 3 : Thanh toán vào ngày 15/8/2020 : 70.000.000 đồng ;

+ Đợt 4 : Thanh toán vào ngày 15/10/2020 : 70.000.000 đồng ;

+ Đợt 5 : Thanh toán vào ngày 20/12/2020 : 70.864.000 đồng.

- Tiền án phí sơ thẩm : Mỗi bên đương sự chịu 50% án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

- Nguyên đơn xin rút yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và tiền lãi của Hợp đồng kinh tế số 154/HĐKT ngày 26/02/2014 và tiền lãi của Hợp đồng kinh tế số 880/HĐKT ngày 01/11/2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa có ý kiến:

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự . Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với qui định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định và bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Tòa án đã tạo điều kiện cho nguyên đơn và bị đơn gặp gỡ, hòa giải. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện theo pháp luật của bị đơn đã thống nhất đề nghị Tòa án công nhận những nội dung thỏa thuận như sau :

- Công ty Đ đồng ý thanh toán công nợ với Công ty X với số tiền là 350.864.000 đồng.

- Thời gian thanh toán hết số nợ 350.864.000 đồng trong năm 2020.

- Số tiền bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn thành 5 đợt, cụ thể như sau :

+ Đợt 1 : Thanh toán vào ngày 15/4/2020 : 70.000.000 đồng ;

+ Đợt 2 : Thanh toán vào ngày 15/6/2020 : 70.000.000 đồng ;

+ Đợt 3 : Thanh toán vào ngày 15/8/2020 : 70.000.000 đồng ;

+ Đợt 4 : Thanh toán vào ngày 15/10/2020 : 70.000.000 đồng ;

+ Đợt 5 : Thanh toán vào ngày 20/12/2020 : 70.864.000 đồng.

- Tiền án phí sơ thẩm : Mỗi bên đương sự chịu 50% án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

- Nguyên đơn xin rút yêu cầu bị đơn trả tiền tiền gốc và tiền lãi của Hợp đồng kinh tế số 154/HĐKT ngày 26/02/2014 và tiền lãi của Hợp đồng kinh tế số 880/HĐKT ngày 01/11/2013.

Xét thấy: việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như đã nêu ở trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ Khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: 5,30,38,148, 300 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2019/KDTM - ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thỏa thuận của Công ty Đ và Công ty X về việc Công ty X chỉ phải thanh toán cho Công ty Đ khoản nợ gốc của Hợp đồng kinh tế số 880/HĐKT ngày 01/11/2013 được ký kết giữa 2 Công ty là 350.864.000 đồng.

3. Thời gian thanh toán hết số nợ gốc là 350.864.000 đồng trong năm 2020. Số tiền bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn thành 5 đợt, cụ thể như sau :

+ Đợt 1 : Thanh toán vào ngày 15/4/2020 : 70.000.000 đồng ;

+ Đợt 2 : Thanh toán vào ngày 15/6/2020 : 70.000.000 đồng ;

+ Đợt 3 : Thanh toán vào ngày 15/8/2020 : 70.000.000 đồng ;

+ Đợt 4 : Thanh toán vào ngày 15/10/2020 : 70.000.000 đồng ;

+ Đợt 5 : Thanh toán vào ngày 20/12/2020 : 70.864.000 đồng.

4. Trong thời hạn thanh toán nêu trên, nếu Công ty X vi phạm bất cứ kỳ hạn thanh toán nào thì Công ty Đ có quyền gửi đơn thi hành án đến Chi Cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội để yêu cầu thi hành án.

5. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất

của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Công ty Đ buộc Công ty X trả tiền gốc của Hợp đồng kinh tế số 154/HĐKT ngày 26/02/2014 là 140.976.000 đồng và tiền lãi của Hợp đồng kinh tế số 880/HĐKT ngày 01/11/2013 và Hợp đồng kinh tế số 154 ngày 26/02/2014 là 148.412.720 đồng.

7. Về án phí :

- Án phí sơ thẩm : Công ty X phải chịu 8.771.600 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Công ty Đ phải chịu 8.771.600 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, đối trừ số tiền 10.000.000 đồng mà Công ty đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 02609 ngày 01/3/2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, hoàn trả Công ty Đ 1.228.400 đồng.

- Án phí phúc thẩm : Công ty X phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, xác nhận Công ty đã nộp đủ 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2015/3121 ngày 07/10/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 17/02/2020.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội;
- Chi Cục THADS quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Thủy